

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 351 /2019/DS-PT
Ngày: 29 - 11 - 2019
V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Trần Thị Kim Em

2/ Ông Trần Văn Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 192/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phạm Văn T, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Lê Hoàng A – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng A, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Trương Hoài U, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phạm Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là luật sư Lê Hoàng A trình bày:*

Ông T có phần đất tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang sau năm 1975 ông T kê khai theo tài liệu 299 là thửa đất số 82, lô số 263, tờ bản đồ số 1, diện tích kê khai là 2.082m², nhưng thực tế phần đất ông T sử dụng có diện tích là 3.020m². Đến năm 1986 Ủy ban nhân dân xã M trưng dụng 2.000m² trong thửa đất này để làm sân bóng đá cho xã, và trưng dụng một lối đi có diện tích ngang khoảng 10m dài khoảng 30m. Khi trưng dụng Ủy ban nhân dân xã có lập giấy xác nhận việc trưng dụng 2.000m² đất và giao cho ông T bản phô tô còn Ủy ban nhân dân xã giữ bản chính. Sau đó Ủy ban nhân dân xã M đã trả lại lối đi, đến năm 1998 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa mới tương đương là thửa 837, tờ bản đồ số MLC1, diện tích 1.020m², số giấy cấp M230175/1639 ngày 07/6/1998, cấp cho ông T đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong phần đất được cấp giấy này có phần lối đi Ủy ban nhân dân xã M trưng dụng đã trả lại. Còn 2.000m² đất thì đến nay Ủy ban nhân dân xã M không sử dụng làm sân bóng đá nữa, nên ông Túng yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M trả lại cho ông 2.000m² đất trưng dụng nói trên.

** Bị đơn là Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào năm 1986 Ủy ban nhân dân xã Mỹ L có trưng dụng một phần đất của ông Phạm Văn T có diện tích ngang 10m, dài khoảng 30m để làm lối đi vào sân bóng đá, theo tài liệu 299 là một phần thửa đất số 82, lô số 263, tờ bản đồ số 1, diện tích kê khai là 2.082m², nhưng sau đó đã trả lại cho ông T. Đến năm 1998 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa mới tương đương là thửa 837, tờ bản đồ số MLC1, diện tích 1.020m², số giấy cấp M230175/1639 ngày 07/6/1998, cấp cho ông T đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có luôn phần lối đi đã trưng dụng.

Ủy ban nhân dân xã M không có trưng dụng 2.000m² đất của ông T như lời trình bày của ông T nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ngoài ra Ủy ban nhân dân xã M còn trình bày thêm lý do biến động thửa đất số 82, lô số 263, tờ bản đồ số 1, biến động giảm là do thửa đất số 82 của ông T cập sông ông M dài 33m bị sạt lở, và làm đường đi nông thôn bằng đan có diện tích ngang 2m lấn vào bên trong thửa đất của ông T. Lúc kê khai thì khai đất đến cập sông ông M. Hiện nay cấp giấy lại trừ lối đi ra và phần sạt lở nên diện tích thửa đất bị giảm.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Hoài U trình bày:*

Ông xác định thời điểm vào tháng 8 năm 1986 ông là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, ông xác định chữ ký và chữ viết tại tờ xác nhận ngày 01/8/1986 là không phải của ông bởi lẽ, nếu vào thời điểm đó Ủy ban nhân dân xã M có

trung dụng đất của cá nhân hoặc hộ gia đình nào vào mục đích công ích thì phải ra quyết định, có nội dung thể hiện mục đích trung dụng, có hoán đổi đất hoặc có trả lại thành quả lao động trên đất cho người bị trung dụng. Đối với hộ ông T thì Ủy ban nhân dân xã chỉ trung dụng một lối đi vào sân bóng đá có diện tích ngang khoảng 10m dài khoảng 30m, không có trung dụng 2.000m² đất của ông T để làm sân bóng đá nên không có giấy tờ gì thu hồi đất của ông T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 9, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm c, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự. Căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100 và Điều 170 Luật đất đai. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đòi Ủy ban nhân dân xã M trả lại 2.000m² đất, theo tài liệu 299 là một phần thửa đất số 82, lô số 263, tờ bản đồ số 1, diện tích kê khai là 2.082m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 03 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân xã M trả lại cho ông diện tích 2.000m² đất tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T có cung cấp cho Tòa án bản chính tờ thỏa thuận có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M ngày 01/8/1986, ông Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân xã M trả lại cho ông 2.000m² đất tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: cho rằng kháng cáo của ông T là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân xã M trình bày năm 1986 Ủy ban nhân dân xã M có trung dụng của ông T diện tích đất phía sau nhà ông T để làm sân vận động, tuy nhiên diện tích đất Ủy ban nhân dân xã M chỉ trung dụng của ông T khoảng 500m² (đo đạc thực tế là 516,3m²) và có miễn thuế đất cho ông T theo nội dung xác nhận trong tờ thỏa thuận ngày 01/8/1986 do ông T cung cấp cho Tòa án, không phải trung dụng 2.000m² đất như ông T trình bày; nay phần đất trên được quy hoạch xây dựng nhà văn hóa xã nên Ủy ban nhân dân xã M đồng ý trả cho ông T giá trị tiền tương đương với diện tích 516,3m² theo chứng thư định giá ngày 08/5/2018 và đồng ý hoàn trả giá trị 06 cây dừa, 02 cây xoài mà ông T đã trồng trên phần đất 516,3m² theo chứng thư định giá ngày 12/11/2019; đối với 02 hàng rào lưới B40 và 10 cây mít ông T

mới trồng trên phần đất tranh chấp Ủy ban nhân dân xã M yêu cầu ông T phải tháo dỡ, di dời ra khỏi phần đất trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2019 của Tòa án cấp phúc thẩm đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Hoài U nguyên là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M trình bày năm 1986 Ủy ban nhân dân xã M có trưng dụng phần đất phía sau nhà ông Phạm Văn T diện tích khoảng 500m² (gồm 1 líp và 01 nương nước) để làm sân vận động, ông U có ký tên vào tờ thỏa thuận ngày 01/8/1986 do ông T cung cấp cho Tòa án, nội dung xác nhận để miễn nộp thuế đất cho ông Phạm Văn T.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/9/2019 của Tòa án cấp phúc thẩm đối với ông Nguyễn Văn B, nguyên là Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân xã M trình bày năm 1986 Ủy ban nhân dân xã M có chủ trương hoán đổi đất của các hộ dân để làm sân vận động của xã, do hộ ông Phạm Văn T có diện tích đất ít nên không có hoán đổi đất, Ủy ban nhân dân xã Mỹ L có trưng dụng của ông Phạm Văn T phần đất phía sau nhà ông T chiều dài 15m (gồm 1 líp và 01 nương nước) khoảng 500m² để làm sân vận động, ông có ghi nội dung xác nhận miễn thuế đất cho ông T vào tờ xác nhận ngày 01/8/1986 và đưa cho ông Trương Hoài U ký xác nhận.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/9/2019 của Tòa án cấp phúc thẩm đối với ông Phạm Văn O, nguyên là dân quân xã M trình bày năm 1986 ông O là người trực tiếp thực hiện việc san lấp để làm sân vận động xã nên ông biết Ủy ban nhân dân xã M có trưng dụng của ông Phạm Văn T phần đất phía sau nhà ông T khoảng 400m² đến 500m² (gồm 1 líp và 01 nương nước) để làm sân vận động.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: yêu cầu kháng cáo của ông T có cơ sở một phần, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, ghi nhận Ủy ban nhân dân xã M đồng ý trả cho ông T giá trị 516,3m² đất và giá trị 06 cây dừa, 02 cây xoài do ông T trồng theo chứng thư định giá.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: đối với người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Hoài U có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông U.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “đòi quyền sử dụng đất” là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T xét thấy:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây do mẹ vợ của ông Phạm Văn T là bà Lê Thị Đ để lại cho ông T quản lý, sử dụng và đã đăng ký kê khai từ năm 1983 là lô số 263, thửa số 82, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.082m², đất tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (số thửa, tờ bản đồ và diện tích của thửa đất thay đổi qua các thời kỳ lần lượt là: theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm vào năm 1990 thì số lô là 263, thửa đất số 82, tờ bản đồ số 01 nhưng diện tích là 500m², theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức vào năm 1998 là thửa 837, tờ bản đồ số C1, diện tích 1.020m² và hiện nay là thửa 491, tờ bản đồ số 10, diện tích đo đạc thực tế là 1.008,9m²). Ông T cho rằng năm 1986 Ủy ban nhân dân xã M có mượn của ông 2.000m² đất thuộc thửa đất nêu trên để làm sân bóng đá, đổi lại ông sẽ được miễn thuế đất theo nội dung xác nhận trong tờ thỏa thuận ngày 01/8/1986 nhưng đến nay chưa trả lại đất cho ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M trả lại cho ông 2.000m² đất đã mượn và yêu cầu được nhận đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ủy ban nhân dân xã M thừa nhận năm 1986 có trưng dụng của ông Phạm Văn T diện tích đất phía sau nhà ông T khoảng 500m² (đo đạc thực tế là 516,3m² theo biên bản đo đạc ngày 10/9/2019) để làm sân vận động xã M và Ủy ban nhân dân xã M có miễn nộp thuế đất cho hộ ông T theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 01/8/1986 do ông T cung cấp cho Tòa án, nay phần đất trên được quy hoạch xây dựng nhà văn hóa xã nên Ủy ban nhân dân xã M đồng ý trả cho ông T giá trị tiền tương đương với diện tích 516,3m² theo chứng thư định giá ngày 08/5/2018 và đồng ý hoàn trả giá trị 06 cây dừa, 02 cây xoài mà ông T đã trồng trên phần đất 516,3m² theo chứng thư định giá ngày 12/11/2019

Xét thấy phần đất mà ông T đang quản lý sử dụng đăng ký kê khai trước đây theo tài liệu đăng ký kê khai đất thì thửa 82 có diện tích là 2.082m², sau khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 thì phần đất này có thửa mới là 837 nhưng diện tích chỉ là 1.020m², như vậy diện tích này có giảm so với kê khai ban đầu là 1.062m². Căn cứ công văn số 1331/CV-CNVPĐK ngày 31/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác định theo tài liệu 299 thửa đất số 82, lô số 263 diện tích 2.082m², đến năm 1998 cấp giấy đất đổi thành thửa 837 diện tích 1.020m² lý do biến động giảm là do thửa đất này cập sông ông M bị sạt lở và khi cấp giấy năm 1998 có trừ ra làm đường bê tông

Xét về phần đất sụt giảm của ông T so với lúc đăng ký kê khai ban đầu, nhận thấy theo biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/6/2017 thì phần đất thực tế mà hiện nay ông T đang quản lý sử dụng bao gồm phần đất chưa được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.285,8m², như vậy diện tích đất của ông Tùng bị sụt giảm 796,2m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân xã M trình bày năm 1986 Ủy ban nhân dân xã M có chủ trương hoán đổi đất của 07 hộ dân làm sân vận động của xã, phần đất hoán đổi 07 hộ dân làm sân vận động xã được Ủy ban nhân dân xã M đăng ký kê khai vào năm 1996 thuộc thửa 813, tờ bản đồ số C1 diện tích 6.584m² (nay là thửa số 26, tờ bản đồ số 10) so với phần đất hoán đổi các hộ dân làm sân vận động là 5.970m² thì có tăng 614m²; ngoài việc hoán đổi đất của 7 hộ dân trên Ủy ban nhân dân xã M có trưng dụng đất của ông Phạm Văn T khoảng 500m² (đo đạc thực tế diện tích đất 516,3m²) phía sau nhà ông T do diện tích nhỏ ông T không chịu hoán đổi đất mà đề nghị Ủy ban nhân dân xã M miễn nộp thuế đất nên Ủy ban nhân dân xã có xác nhận miễn thuế đất cho ông T như nội dung xác nhận trong tờ thỏa thuận ngày 01/8/1986, xét thấy lời trình bày trên là có cơ sở và phù hợp lời trình bày nêu trên của ông Trương Hoài U, Nguyễn Văn B, ông Phạm Văn O đều xác định Ủy ban nhân dân xã M có trưng dụng phần đất phía sau nhà ông Phạm Văn T giáp sân vận động diện tích khoảng 500m², phù hợp với diện tích sụt giảm thửa đất của ông T và diện tích đất tăng của sân vận động xã M, phù hợp với nội dung công văn số 10/TTCNTT ngày 07/01/2014 của Trung tâm công nghệ thông tin –Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang về việc cung cấp thông tin đất đai đối với thửa đất số 82, lô số 263, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.082m² do ông Phạm Văn T đăng ký kê khai năm 1983 và phần đất sân vận động thửa 813, tờ bản đồ số MLC1, diện tích 6.584 m² do Ủy ban nhân dân xã M đăng ký kê khai (bút lục số 86).

Ông T cho rằng diện tích đất thực tế thửa đất số 82, lô số 263 theo tài liệu 299 mà ông T quản lý sử dụng là 3.020m² nhưng vì không biết nên ông chỉ đăng ký kê khai 2.082m² là chưa có cơ sở vì ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho vấn đề này. Mặt khác tờ thỏa thuận ngày 01/8/1986 mà ông T cung cấp cho Tòa phúc thẩm cũng không còn nguyên vẹn, nội dung cũng chưa thể hiện rõ ràng việc Ủy ban nhân dân xã M có mượn của ông T 2.000m² đất, nên ông T khởi kiện Ủy ban nhân dân xã M yêu cầu trả 2.000m² đất chỉ có cơ sở một phần chấp nhận.

Do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, ghi nhận Ủy ban nhân dân xã M đồng ý trả cho ông T diện tích đất 516,3m² được quy đổi thành tiền theo chứng thư định giá ngày 08/5/2018 và trả giá trị 06 cây dừa, 02 cây xoài mà ông T trồng trên phần đất nêu trên là phù hợp pháp luật, bởi lẽ phần đất trên hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang có quyết định phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới mục đích sử dụng xây dựng nhà văn hóa xã, nên không thể giao trả đất cho ông T, mà ghi nhận Ủy ban nhân dân xã M đồng ý trả cho ông T giá trị đất và giá trị các cây trồng trên phần đất nêu trên theo chứng thư định giá là phù hợp với quy định pháp luật.

Theo chứng thư định giá ngày 08/5/2018 của Công ty TNHH thẩm định giá Tây Nam thì giá phần đất tranh chấp 655.000đ/m², như vậy diện tích 516,3m² có giá trị là 338.176.500đ (516,3m² x 655.000đ/m²).

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2019 trên phần đất 516,3m² nêu trên có 01 cầu môn bằng sắt do Ủy ban nhân dân xã M làm và các cây trồng trên đất do ông T trồng gồm 06 cây dừa, 02 cây xoài; theo chứng thư định giá ngày 12/11/2019 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư quốc tế (chi nhánh tại Tiền Giang) thì 06 cây dừa trên cùng loại B2 có giá trị là 3.210.000đ (6 cây x 535.000đ/cây) và 02 cây xoài trên cùng loại B1 có giá trị 2.026.000đ (02 cây x 1.013.000đ/cây), tổng cộng giá trị 06 cây dừa và 2 cây xoài là 5.236.000đ.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/9/2019 trên phần đất sân vận động xã M mà ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M trả cho ông diện tích đất 2.000m², sau khi xét xử sơ thẩm ông T đã tự ý làm 02 hàng rào lưới B40 và có trồng 10 cây mít, nên cần buộc ông T tháo dỡ, di dời 02 hàng rào và 10 cây mít trên ra khỏi phần đất nêu trên.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Phạm Văn T có cơ sở một phần chấp nhận, nên sửa bản án sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của luật sư.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí :

- Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của nguyên đơn là ông Phạm Văn T được chấp nhận một phần, nên ông Tùng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 để làm căn cứ áp dụng tính án phí, xét thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án là “đòi quyền sử dụng đất” nên áp dụng án phí không có giá gạch theo quy định tại khoản 01 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do một phần yêu cầu của nguyên đơn là ông Phạm Văn T được chấp nhận nên bị đơn là Ủy ban nhân dân xã M phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 và Điều 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, 357, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 256, 688 Bộ luật dân sự 2005, các Điều 97, 98, 99, 100 và Điều 170 Luật đất đai. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 01 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 192/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

1. Ghi nhận Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn T phần đất có diện tích 516,3 m² thuộc một phần thửa đất số 82, tờ bản đồ số 01, lô 263 theo mục kê 299, đất tọa lạc ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang được quy đổi giá trị thành tiền là 338.176.500đ (ba trăm ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng) và 5.236.000đ (năm triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng) giá trị 06 cây dừa loại B2 và 02 cây xoài loại B1 trồng trên diện tích đất 516,3m².

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang được tiếp tục quản lý, sử dụng và tiến hành làm thủ tục đăng ký kê khai đối với diện tích đất 516,3m² thuộc một phần thửa đất 82, tờ bản đồ số 01, lô 263 theo mục kê 299, (nay thuộc một phần thửa 26, tờ bản đồ số 10, được kê khai là sân vận động xã M), đất tọa lạc ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và quản lý sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm 06 cây dừa loại B2, 02 cây xoài loại B1; 01 cầu môn bằng sắt (có kích thước cao 2,5m, dài 7,5m); vị trí phần đất 516,3m² có tứ cận như sau:

- Hướng nam: giáp phần đất sân vận động xã M
- Hướng bắc: giáp phần đất sân vận động xã M
- Hướng đông: giáp phần đất tranh chấp (sân vận động xã M)
- Hướng tây: giáp phần đất của ông Phạm Văn T

(Có sơ đồ đo đạc ngày 10/9/2019 kèm theo).

3. Buộc ông Phạm Văn T tháo dỡ di dời tài sản gắn liền trên phần đất sân vận động xã M thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang gồm:

- 01(một) hàng rào lưới B40, có 12 trụ bê tông (trụ đá), chiều cao 2m, chiều dài 39,47m;

- 01(một) hàng rào lưới B40, có 12 trụ bê tông (trụ đá), chiều cao 2m, chiều dài 37,18m.

- 10 cây mít loại C.

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn lại cho ông T 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04318, ngày 22/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên hoàn lại cho ông T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09392 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C
- THADS huyện C
- Đăng công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình

